

BÁO CÁO

Sơ kết thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017

Phần 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm có một số thuận lợi cơ bản như độ mặn thấp hơn cùng kỳ, không gây áp lực như năm 2016, mưa đến sớm và đều trên diện rộng, giá cả một số sản phẩm như dưa khô, đậu phộng, lúa,... ổn định ở mức khá; sâu bệnh trên cây trồng không đáng kể, bệnh LMLM có xảy ra nhưng nhanh chóng được khống chế. Tuy nhiên, cũng gặp nhiều khó khăn như mưa trái mùa gây đổ ngã trên trà lúa Thu Đông và Đông Xuân giai đoạn đòng trổ làm giảm năng suất, một số diện tích rau màu bị hư hại; diện tích cây ăn trái, các cây lâu năm khác bị ảnh hưởng của đợt mặn năm trước chưa phục hồi hoặc đang trong giai đoạn kiến thiết chưa cho sản lượng; thời tiết, khí hậu ngày càng gay gắt, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn làm ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi và tạo cơ hội cho các loại dịch bệnh chăn nuôi, thủy sản phát sinh; giá cả một số mặt hàng nông, thủy sản (cá lóc, heo hơi,...) giảm sâu, có loại thấp hơn giá thành làm cho người sản xuất thua lỗ, từ đó đầu tư cho sản xuất giảm. Nhưng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn tiếp tục đạt được những kết quả khả quan, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Về giá trị sản xuất:

Ước tổng giá trị sản xuất toàn ngành (giá năm 2010) 11.700 tỷ đồng, đạt 46,94% kế hoạch, giảm 0,7% so cùng kỳ. Trong đó:

- Nông nghiệp: 8.919 tỷ đồng, đạt 51,36%, giảm 3,18%
- + Trồng trọt: 6.563 tỷ đồng, đạt 52,71%, giảm 3,66%
- + Chăn nuôi: 1.433 tỷ đồng, đạt 43,41%, giảm 0,21%.
- + Dịch vụ nông nghiệp: 923 tỷ đồng, đạt 57,12%, giảm 4,8%.
- Lâm nghiệp: 170 tỷ đồng, đạt 71%, tăng 0,19%
- Thủy, hải sản: 2.610 tỷ đồng, đạt 35,66%, tăng 8,76%
- + Khai thác hải sản: 532 tỷ đồng, đạt 54,25%, giảm 4,53%
- + Khai thác nội đồng: 201 tỷ đồng, đạt 43,7%, tăng 5,91%

+ Nuôi trồng thủy sản: 1.868 tỷ đồng, đạt 31,94%, tăng 14%

+ Dịch vụ thủy sản: 9 tỷ đồng, đạt 31,23%, giảm 30%.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt - BVTV:

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 232.978 ha, đạt 92,3% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 35.316 ha, cụ thể:

- Cây lúa:

+ Gieo trồng 197.961 ha, vượt 961 ha so kế hoạch, giảm 36.567 ha so cùng kỳ; thu hoạch dứt điểm 02 vụ Thu Đông – mùa và Đông Xuân (123.964 ha), năng suất trung bình 5,28 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,11 tấn/ha; sản lượng 654.990 tấn, giảm 84.772 tấn. Nguyên nhân, do thực hiện chủ trương giảm diện tích lúa 3 vụ để tránh thiệt hại do hạn, mặn. Vụ lúa Thu Đông mùa và Đông Xuân còn bị ảnh hưởng mặn do chưa được cải tạo hết, mưa trong giai đoạn đòng trổ, gió giật mạnh làm đổ ngã nhiều diện tích lúa làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng khi thu hoạch. Riêng vụ Thu đông mùa chuột cắn phá, mưa nhiều dẫn tới ngập úng làm mất trắng 5,3 ha ở một số xã của huyện Càng Long. Vụ Hè Thu xuống giống 74.000 ha, đạt 95% kế hoạch (78.000 ha), thu hoạch trà lúa sớm 793 ha, năng suất trung bình 5,3 tấn/ha; xuống giống 15 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 3.218 ha

+ Xây dựng 5 điểm mô hình phòng chống hạn mặn tại xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè; xã Hàm Giang, huyện Trà Cú; xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần; xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành; xã Thạnh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang. Hiện lúa đang trong giai đoạn mạ đến đẻ nhánh, phát triển bình thường.

+ Diện tích nhiễm sâu bệnh là 9.772 ha (tăng 5.884 ha so cùng kỳ) chủ yếu trong vụ Đông xuân. Các đối tượng gây hại chủ yếu là cháy bìa lá, đạo ôn lá, sâu cuốn lá nhỏ,... cục bộ có 579 ha bệnh đạo ôn và lem lép hạt gây hại ở mức độ trung bình, diện tích còn lại gây hại nhẹ.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 35.017 ha, đạt 63% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.252 ha, cụ thể: Màu lương thực 4.252 ha, màu thực phẩm 16.965 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.799 ha. Bước đầu tập hợp nông dân tổ chức tập huấn, xây dựng mô hình cánh đồng lớn trên cây ớt, diện tích 22,6 ha; mô hình cánh đồng lớn trên cây dưa hấu, diện tích 20 ha; mô hình cánh đồng lớn trên cây bắp, diện tích 22 ha; mô hình cánh đồng lớn trên cây đậu phộng, diện tích 40 ha.

- Cây lâu năm:

+ Ước diện tích trồng mới trong 6 tháng là 346 ha, nâng tổng diện tích vườn cây ăn trái 17.682 ha, ước sản lượng thu hoạch 116.100 tấn, đạt 58% kế hoạch. Cây dừa diện tích 20.663 ha, ước sản lượng 117.899 tấn, đạt 53,6% kế hoạch. Xây dựng mô hình phòng ngừa thiệt hại hạn mặn 0,6 ha trên cây bưởi và cam sành tại xã Hòa Ân và Ninh Thới, huyện Cầu Kè.

- Theo dõi bẫy đèn, kiểm tra các điểm dự báo làm cơ sở dự tính, dự báo; xây dựng khung lịch thời vụ xuống giống né rầy cho từng vùng, từng địa phương; phát hành 01 thông báo phòng trị bệnh đạo ôn lúa đến huyện Càng Long, Cầu Kè,

Tiểu Cần; hướng dẫn nông dân phun thuốc phòng trị bệnh đạo ôn lá, cháy bìa lá, rầy nâu, diện tích 2.500 ha. Kết quả đã không chế được trên diện rộng. Kết hợp UBND xã Trường Thọ, đặt 410 kg thuốc Biorat diệt chuột, kết quả hạn chế được 60-70% mức độ cắn phá. Kết hợp UBND xã Lưu Nghiệp Anh, Công ty mía đường khảo sát tình hình mía bị bệnh cháy lá và thu mẫu giám định tác nhân gây bệnh. Nhân nuôi, phóng thích 138.000 ong ký sinh quản lý bọ cánh cứng hại dừa tại các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú và 5.000 ong ký sinh mắt đỏ quản lý sâu đục trái bưởi.

- Tổ chức 01 chuyên khám bệnh lưu động tại xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè có 45 nông dân mang mẫu bệnh phẩm đến để tư vấn.

b) Chăn nuôi – thú y:

- Theo số liệu điều tra ngày 01/4/2017, số lượng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh như sau:

+ Đàn heo: 368.326 con, đạt 93,25% KH, tăng 16.443 con so cùng kỳ.

+ Đàn bò: 199.610 con, đạt 95%, tăng 23.266 con.

+ Đàn trâu 764 con, đạt 96,71%, giảm 190 con.

+ Đàn gia cầm: 4,25 triệu con, đạt 94,52%, tăng 73 ngàn con.

Tình hình chăn nuôi 6 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn, tổng đàn vật nuôi tăng so cùng kỳ nhưng do giá heo hơi, bò hơi và gia cầm giảm mạnh, người nuôi bị thua lỗ nên lượng tái đàn giảm.

- Thực hiện tiêm phòng cúm 1,47 triệu con gia cầm (đạt 49,4% so diện tiêm); tiêm phòng LMLM 17 ngàn con gia súc (đạt 22,4% so diện tiêm); tiêm phòng đại chó, mèo 2.067 con; phòng bệnh thường xuyên cho 408 ngàn con gia súc (Dịch tả 136 ngàn con, đạt 37,7% KH; Tụ huyết trùng 137 ngàn con, đạt 38% KH; Phó thương hàn 136 ngàn con, đạt 37,9% KH); cấp 9.183 lít hóa chất cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi và dập dịch LMLM huyện Trà Cú, kết quả phun xịt được 15,27 triệu m² của 271.967 lượt hộ chăn nuôi; kiểm dịch trên 176 ngàn con gia súc, trên 1,4 triệu con gia cầm các loại, 362 tấn thịt gia súc, gia cầm.

- Sáu tháng đầu năm, hỗ trợ xây dựng thêm 01 cơ sở giết mổ tập trung tại huyện Cầu Ngang (dự kiến hoạt động vào cuối năm). Nâng tổng số hiện nay toàn tỉnh có 15 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, gồm: 11 cơ sở giết mổ gia súc (giết mổ từ 30 - 180 con/cơ sở/đêm, 4 cơ sở giết mổ gia cầm (giết mổ từ 300 - 2.000 con/cơ sở/đêm).

- Duy trì 11 mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm với Công ty Cổ phần chăn nuôi CP-Việt Nam (06 mô hình nuôi gà, 05 mô hình nuôi heo), quy mô 36.000 con gà và 2.000 con heo thịt.

- Phát triển thêm 03 trang trại chăn nuôi, nâng tổng số trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh lên 43 trang trại, chủ yếu là trang trại chăn nuôi heo.

c) Thủy sản:

- Nuôi thủy sản: Diện tích 39.434 ha, đạt 91,7% kế hoạch, nhanh hơn cùng kỳ 5.124 ha; thu hoạch 45.876 tấn, đạt 45,3% kế hoạch cả năm, cao hơn cùng kỳ 9.314 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 1,33 tỷ con tôm sú giống, diện tích 19.188 ha, 2,4 tỷ con tôm chân trắng, diện tích 4.288 ha, 94,4 triệu con cua biển, diện tích 14.950 ha, 140 tấn nghêu giống, diện tích 85 ha. Thu hoạch 18.413 tấn (cao hơn cùng kỳ 5.925 tấn), trong đó tôm sú 3.938 tấn, tôm chân trắng 11.227 tấn, cua biển 2.303 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Tuy nhiên do thời tiết diễn biến khá phức tạp nên tôm nuôi vẫn bị thiệt hại rải rác ở các xã nuôi trọng điểm của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải tôm chết ở giai đoạn 15-60 ngày tuổi và có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, gan tụy,... làm thiệt hại 143,7 triệu con tôm sú giống (chiếm 10,8% lượng con giống thả nuôi chung), diện tích 692 ha (chiếm 3,6%); 465,8 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 19,3% lượng con giống thả nuôi), diện tích 808 ha (chiếm 18,8%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 99 triệu con giống các loại, diện tích 923 ha (60,4 triệu con cá lóc, diện tích 194 ha); thu hoạch 27.462 tấn (cao hơn cùng kỳ 3.387 tấn), gồm cá lóc 14.315 tấn, cá tra 7.450 tấn, tôm càng xanh 593 tấn, còn lại là các loại khác, đạt 50,9% kế hoạch cả năm.

- Khai thác: Toàn tỉnh có 53 tổ đoàn kết sản xuất trên biển giúp ngư dân an tâm bám biển, liên kết, hỗ trợ sản xuất. Sản lượng khai thác 31.310 tấn (4.998 tấn tôm), đạt 45,7% kế hoạch cả năm, giảm 1.745 tấn, gồm:

+ Khai thác nội đồng: 4.355 tấn (1.270 tấn tôm), đạt 34,3%, tăng 169 tấn.

+ Khai thác hải sản: 26.955 tấn (3.728 tấn tôm), đạt 48,4%, giảm 1.914 tấn.

- Tổ chức thả 1,4 triệu con tôm sú giống, 22 ngàn con cua biển giống, 14,4 ngàn con cá trê giống ra môi trường tự nhiên để tái tạo nguồn lợi thủy sản nhân kỷ niệm ngày Truyền thống nghề cá.

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 5.337 tấn thủy sản (tôm sú 406 tấn, tôm thẻ 2.845 tấn), chế biến 3.077 tấn, tiêu thụ 2.552 tấn, kim ngạch xuất khẩu 17,3 triệu USD

- Phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát dịch bệnh nhằm chủ động phòng chống. Kiểm dịch 333 triệu con tôm giống; thực hiện 51 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 53 mẫu giáp xác (19 mẫu tôm nuôi) phân tích phục vụ nuôi thủy sản. Kết hợp tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bạc Liêu trong quản lý giống; đồng thời, kêu gọi các công ty giống ngoài tỉnh cam kết cung cấp giống chất lượng, khai báo kiểm dịch khi nhập tỉnh nhằm kiểm soát dịch bệnh.

d) Lâm nghiệp:

- Triển khai kế hoạch khoán bảo vệ rừng, diện tích 5.164 ha; nghiệm thu vệ sinh phòng cháy rừng, diện tích 254 ha, đạt 100% kế hoạch. Thực hiện trồng 20 ha rừng và 1.680 cây lâm nghiệp phân tán; kiểm tra vườn ươm cây giống chuẩn bị trồng 350 ha rừng phòng hộ và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch. Tổ chức 485 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 04 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định. Tận thu 611 m³ gỗ thiệt hại do nấm bệnh tại ấp Hồ Thùng, ấp

Phước Thiện, xã Đông Hải và thiệt hại do thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh.

- Tổ chức 10 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và quản lý bảo vệ rừng cho 315 hộ dân sống tiếp giáp với rừng trên địa bàn xã Long Vĩnh, Long Khánh, Đông Hải và Trường Long Hòa.

e) Diêm nghiệp: Có 123 hộ sản xuất, diện tích 77 ha (giảm 40 hộ và 57,6 ha so cùng kỳ). Sản lượng thu hoạch 2.414 tấn (giảm 4.471 tấn). Giá bán dao động từ 28.000 - 30.000 đồng/giạ.

f) Phát triển nông thôn:

- Nông thôn mới:

+ Các địa phương lồng ghép tuyên truyền cho 36.028 lượt người, công nhận 214 ấp nông thôn mới (chiếm 31,4%); 138.367 hộ nông thôn mới (chiếm 62% số hộ phát động). Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 23 xã đạt 19 tiêu chí, 04 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 44 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 14 xã đạt dưới 10 tiêu chí.

+ Tham mưu phân bổ 186,9 tỷ đồng (vốn Trung ương 116,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 70 tỷ đồng) cho các địa phương triển khai thực hiện đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất. Chưa có kết quả giải ngân.

- Làng nghề, ngành nghề nông thôn: Trình hội đồng xét duyệt công nhận làng nghề bó chổi xã Tân Hòa và sản xuất cốm dẹp xã Nhị Trường. Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề lao động nông thôn; thu thập, tổng hợp thông tin tình hình sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn năm 2017.

- Chương trình bố trí dân cư: Tiếp tục theo dõi tiến độ thi công Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần (kè bờ phải đạt 90% khối lượng, kè bờ trái đạt 40% khối lượng); dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng đã ký hợp đồng ủy thác với Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Phối hợp di dời 03 hộ dân thuộc ấp Cồn Trúng xã Trường Long Hòa bị ảnh hưởng sạt lở vào nơi ở mới, an toàn.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tổ chức lựa chọn nhà thầu Dự án mở rộng tuyến ống cấp nước trạm cấp nước xã Nhị Long; khởi công Dự án nâng cấp nhà máy nước sạch xã Đại Phước; chuẩn bị đầu tư 10 dự án nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước; Kết hợp triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo. Trong 6 tháng, lắp đặt cho 5.159 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đã cung cấp cho 99.446 hộ, nâng tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 87% (sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 02/2009/BYT đạt 56%).

3. Kết quả thực hiện tái cơ cấu:

Cơ cấu nội ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp từ 78% (6 tháng đầu năm 2016) xuống còn 76% (6 tháng đầu năm 2017), tăng dần tỷ trọng ngành thủy sản từ 20% lên 22% (trong nội ngành thủy sản giá trị nuôi trồng cũng có bước chuyển biến đáng kể từ 68,25% lên 71,58%); chuyển 1.042 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm kết hợp nuôi thủy sản, gồm trồng cây ngắn ngày 605 ha, trồng cây ăn trái 267 ha, trồng dừa 79 ha,

nuôi thủy sản 91 ha; nuôi thủy sản phát triển khá, đặc biệt là diện tích nuôi tôm nước lợ 6 tháng đầu năm đạt 23.476 ha (tăng 3.658 ha so với cùng kỳ) chuyển từ nuôi tôm sú sang nuôi tôm chân trắng hơn 929 ha, chuyển từ hình thức nuôi quảng canh sang nuôi thâm canh và bán thâm canh là 1.320 ha, nâng tổng số đến nay được 6.678 ha (đạt 72% kế hoạch).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUYÊN NGÀNH

1. Công tác quy hoạch:

- Công bố rộng rãi 03 quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, gồm: Quy hoạch ngành nông nghiệp, quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Tiếp tục triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, quy hoạch nuôi tôm nước lợ. rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía; quy hoạch chăn nuôi, giết tập trung; quy hoạch thủy lợi; quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Xin chủ trương lập 2 dự án quy hoạch: Khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp đô thị.

2. Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:

- Tham mưu xây dựng Nghị quyết lãnh đạo phát triển mỗi xã, phường, thị trấn, một sản phẩm chủ lực; Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Xây dựng trình UBND tỉnh định mức giá nhân công và định mức kinh tế kỹ thuật gieo ươm trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn; xây dựng Đề án giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp; tham mưu UBND tỉnh xây dựng mới Quyết định quản lý một số lĩnh vực trong hoạt động thủy sản thay thế Quyết định 12/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND sửa đổi bổ sung Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND.

- Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/11/2016 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp đến năm 2020, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 23/01/2017 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kế hoạch giao chỉ tiêu thu quỹ phòng chống thiên tai năm 2017; Phương án ứng phó sự cố thiên tai năm 2017 và Phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu và giao nhiệm vụ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2017; kế hoạch kiểm tra công trình phục vụ công tác phòng chống thiên tai năm; kế hoạch phát động phong trào thi đua trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

- Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng; kiện toàn và

xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học công nghệ và Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở.

- Hoàn chỉnh Kế hoạch tập huấn giảng viên nguồn và cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện về tái cơ cấu nông nghiệp, kinh tế hợp tác, an toàn vệ sinh thực phẩm và quản lý môi trường nông thôn theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

- Đề xuất các nhiệm vụ dự án phục vụ xây dựng chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển và hải đảo; đăng ký nội dung thực hiện chương trình tăng trưởng xanh của ngành giai đoạn 2017-2020.

3. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Các địa phương tổ chức thực hiện được 475 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 350.251 m, khối lượng trên 01 triệu m³ (đạt 86,9% kế hoạch).

- Tổ chức 85 đợt kiểm tra, phát hiện 20 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Tiếp tục kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các công trình: Đang nghiệm thu kỹ thuật công trình duy tu, sửa chữa tuyến đê biển đoạn Tổng Long – Bắc Trang; sửa chữa đảm bảo giao thông đê Hải Thành Hòa, đạt 41%; sửa chữa 05 cầu giao thông và trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cỏ Chiên đạt 80% khối lượng.

- Nghiệm thu: Công trình gia cố đê bao Xèo Su xã Hiệp Thạnh; Công trình xử lý sạt lở chân kè bảo vệ đê Tả hữu sông Cỏ Chiên và sập lún Kè bảo vệ bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải.

4. Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục triển khai thực hiện 21 dự án (03 dự án khởi công mới, 08 dự án chuyển tiếp, 10 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng), gồm: 08 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 08 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng, đã giải ngân 40 tỷ đạt 34,5% kế hoạch.

5. Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 02/3/2017 thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới vùng ĐBSCL. Đăng ký danh sách các HTX xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn VietGAP với Sở Khoa học Công nghệ và Sở Công thương; phối hợp các Sở, ban ngành khảo sát, đánh giá xây dựng kế hoạch hỗ trợ 12 HTX kiểu mới.

- Tổng hợp ý kiến của các Sở ngành: Dự thảo Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “đổi mới, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật HTX góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”; Quy chế hoạt động của BCĐ thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng ĐBSCL”.

6. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Tổ chức 42 lớp tập huấn kiến thức về VSATTP cho 1.689 cán bộ tại các xã nông thôn mới trên địa bàn các huyện, thành phố; cấp phát 1.856 bộ tài liệu.

- Kiểm tra, đánh giá, phân loại 191 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản, kết quả: 117 cơ sở loại A, 74 cơ sở loại B; cấp 71 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, 117 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm

nghiệm chất lượng 416 mẫu (208 mẫu nông sản, 208 mẫu thủy sản). Kết quả phát hiện 24 mẫu không đạt yêu cầu. Cơ quan chuyên môn nhắc nhở không tái phạm.

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật 216 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 56 tàu, đăng ký 68 tàu, xóa bộ 09 tàu, cấp 72 sổ danh bạ (295 thuyền viên); cấp 181 giấy phép khai thác thủy sản, 10 giấy chứng nhận ATTP. Toàn tỉnh hiện có 1.216 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 114.351 CV (255 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 8.628 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 13.120 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 623 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra: Đoàn thanh tra chuyên ngành tổ chức 24 cuộc thanh tra về ATTP, vật tư nông nghiệp, sản phẩm động vật, quản lý giống thủy sản, quản lý rừng và động vật hoang dã đối với 533 cá nhân, tổ chức, ban hành 24 quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Kết hợp thu 10 mẫu sản phẩm kiểm tra chất lượng (đang chờ kết quả).

7. Công tác khuyến nông và công tác giống:

- Công tác khuyến nông:

+ Tổ chức 247 lớp tập huấn kỹ thuật canh tác lúa, trồng rau màu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi thủy sản cho 7.119 lượt người. Phân công 13 viên chức trực tiếp tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho 2.850 lượt hộ về quy trình cải tạo ao, chọn con giống, kỹ thuật nuôi, phòng ngừa dịch bệnh và những lưu ý trong nuôi tôm nước lợ.

+ Tổ chức 08 cuộc hội thảo, tổng kết đánh giá mô hình; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện 01 chuyên mục, 03 cuộc tọa đàm và 03 bản tin thời sự, thời lượng phát sóng 70 phút.

+ Triển khai thực hiện 34 mô hình trình diễn như bắp chuyển đổi gen, thâm canh cây gấc, luân canh lúa - tôm thẻ, cà chua theo hướng an toàn sử dụng màng phủ nông nghiệp, xây dựng cánh đồng lớn thâm canh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa, xây dựng và nhân rộng mô hình giảm lượng hạt giống gieo sạ trong sản xuất lúa, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, nuôi vịt biển, chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, nuôi tôm nước lợ kết hợp cá đối mục,...

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Khảo nhiệm 03 bộ giống lúa, gồm bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh, diện tích 0,5 ha. Đã thu hoạch 0,3 ha, kết quả đã chọn ra được các giống có năng suất và ít nhiễm sâu bệnh. Sản xuất 20,4 ha lúa giống cấp xác nhận 1, đã thu hoạch 10,8 ha, sản lượng 39,24 tấn giống; ghép 1.320 nhánh bưởi da xanh và 690 trái dứa giống; cung ứng 63,2 tấn lúa giống (5,86 tấn giống cấp nguyên chủng), nhập 1.745 cây giống các loại, cung ứng 906 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Chuyển giao công nghệ ương giống lươn đồng từ hương lên giống; thực hiện 07 cuộc tập huấn, hội thảo cho 218 lượt người về kỹ thuật chọn, thuần dưỡng giống tôm sú, cua biển, tôm chân trắng, tôm càng xanh. Sản

xuất, cung ứng và điều tiết 10,5 triệu con tôm sú; 8,2 triệu con tôm thẻ chân trắng; 1,6 triệu con cua biển; 4 triệu con tôm càng xanh toàn đực và 0,78 triệu con cá giống.

8. Về tình hình hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2017:

Các đơn vị được phân công hỗ trợ triển khai thực hiện cụ thể các công việc:

- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản phối hợp tổ chức tập huấn kiến thức quản lý an toàn thực phẩm ngành nông nghiệp cho 44 cán bộ xã; phối hợp với Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh tập huấn đeo vòng nhận diện theo Đề án quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo cho 08 hộ chăn nuôi heo; địa phương đang vận động nông dân thành lập HTX sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với huyện Trà Cú hỗ trợ xã Phước Hưng và Hàm Tân, cụ thể: Xã Phước Hưng vận động người dân cải tạo vườn nhãn kém hiệu quả chuyển sang trồng bưởi da xanh, diện tích 13 ha; xã Hàm Tân triển khai mô hình nuôi tôm công nghệ cao; chăn nuôi bò tập trung, an toàn dịch bệnh. Kết quả bước đầu thực hiện tiêm phòng vắc xin LMLM cho 757 gia súc của 179 hộ; hướng dẫn quy trình, kỹ thuật nuôi tôm công nghệ cao.

- Chi cục Thủy sản kết hợp huyện Cầu Ngang chọn xã Long Sơn làm xã điểm để hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu, đến nay đã xây dựng xong kế hoạch và phương án thực hiện hỗ trợ. Đã tổ chức 02 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật nuôi trồng thủy sản, cho 60 lượt người. Thực hiện 02 mô hình nuôi tôm càng xanh 02 giai đoạn, dự kiến thả giống trong tháng 6.

- Chi cục Trồng trọt và BVTV: Lập kế hoạch hỗ trợ xã điểm Tam Ngãi trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây có múi và cây lúa. Cụ thể: đã chọn 10 ha cam sành đang cho trái tại ấp Bung Lớn B để tư vấn, hướng dẫn tăng cường sử dụng phân hữu cơ, nhằm hạn chế dịch bệnh, kéo dài tuổi thọ của cây; thả 5.000 con ong mắt đỏ để phòng trừ sâu đục trái bưởi; chọn điểm xây dựng mô hình phòng chống hạn mặn, sử dụng phân bón hữu cơ sinh học trên lúa, diện tích 01 ha

- Trung tâm Khuyến nông kết hợp UBND huyện Châu Thành tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm chân trắng cho 30 nông dân trên địa bàn xã Phước Hảo; xây dựng mô hình luân canh tôm – lúa, diện tích 01 ha, đã thả 400 ngàn con tôm chân trắng.

- Chi cục Kiểm lâm kết hợp huyện Duyên Hải hỗ trợ xã Long Vĩnh xây dựng kế hoạch chuyển đổi hình thức nuôi tôm quảng canh cải tiến sang nuôi tôm sú, thẻ thâm canh; chuyển đổi 49,3 ha đất trồng mía kém hiệu quả sang nuôi thủy sản. Tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật nuôi thủy sản thâm canh, kết hợp rừng – tôm.

- Trung tâm Giống kết hợp UBND và Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải xây dựng kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu; tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật ương, thuần dưỡng giống tôm sú, tôm thẻ, cua biển cho 60 lượt người.

- Chi cục Phát triển nông thôn kết hợp địa phương xây dựng dự thảo kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu trên địa bàn xã Phú Cần.

- Phòng Chính sách và Thông tin kết hợp thành phố Trà Vinh lựa chọn mô hình, xây dựng dự thảo kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu.

9. Công tác ứng dụng triển khai thực hiện các chính sách:

- Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Các địa phương hoàn chỉnh thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ năm 2016, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch năm 2017.

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Hội xét duyệt đóng mới 08 tàu; đến nay các tổ chức tín dụng đã giải ngân đóng mới 11/11 tàu được UBND tỉnh phê duyệt, với tổng dư nợ 119,19 tỷ đồng, đạt 82,43% số tiền cam kết.

- Chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tổng hợp từ Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện Tiểu Cần, Trà cú, Cầu Kè, Châu Thành, Duyên Hải và Phòng Kinh tế thành phố kết quả chuyển đổi từ vụ Thu đông mùa 2016-2017 và vụ Đông Xuân có 356 ha đất trồng lúa chuyển sang trồng bắp, ngành nông nghiệp đang tổng hợp đề nghị Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Công ty Lương thực Trà Vinh tiếp tục triển khai thực hiện phương án cánh đồng lớn sản xuất lúa vụ Đông xuân 2016-2017 được 953 ha trên địa bàn 6 xã của 02 huyện Tiểu Cần và Cầu Kè, đã tổ chức thu mua 3.473 tấn lúa hàng hóa. Tổng hợp ý kiến đóng góp Phương án xây dựng cánh đồng lớn của HTX nông nghiệp Thành Công, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú (lần 2), chuẩn bị thẩm định, phê duyệt.

- Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND: Trên cơ sở đề nghị của địa phương, ngành nông nghiệp đã tổng hợp kinh phí đề nghị Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí để địa phương thực hiện. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ là 25,44 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP: Ngành xây dựng dự thảo quy định mức hỗ trợ cụ thể cho từng loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, chuẩn bị tổ chức lấy ý kiến các Sở, ban ngành tỉnh.

- Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ: Chuẩn bị triển khai 25 lớp tập huấn đào tạo nghề cho 755 lao động nông thôn nhằm góp phần nâng cao trình độ tay nghề của lao động nông thôn ứng dụng vào sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

Trong 6 tháng đầu năm, bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Giá trị sản xuất ngành trồng trọt giảm so cùng kỳ và giảm so với bình quân các năm trước (bình quân các năm trước đạt 59% kế hoạch năm).

- Tình trạng sản xuất tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống, lịch thời vụ,... vẫn còn xảy ra khá phổ biến.

- Việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác để có hiệu quả cao hơn còn ít, chưa đạt yêu cầu.

- Tình hình tái đàn trong chăn nuôi còn ít, bệnh LMLM trên gia súc phát sinh; bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng xảy ra rải rác, cục bộ ở một số địa phương làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển chăn nuôi và nuôi tôm nước lợ.

- Sản xuất giống tại địa phương với qui mô nhỏ lẻ; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra. Các vùng sản xuất giống thủy sản, vùng nuôi tập trung chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng để kêu gọi doanh nghiệp tham gia.

- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thủy sản chưa được khắc phục.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi thủy sản được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, một số vùng nuôi thâm canh hệ thống giao thông, thủy lợi và điện chưa đáp ứng yêu cầu và chưa phát huy hiệu quả.

- Công tác nạo vét các công trình thủy lợi nội đồng và tiến độ thực hiện một số công trình xây dựng cơ bản còn chậm, tiến độ giải ngân chưa nhiều.

- Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, đơn vị trực thuộc và địa phương trong việc phân công hỗ trợ xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định số 54/QĐ-SNN của Giám đốc Sở còn rất chậm.

2. Nguyên nhân:

- Thực hiện chủ trương điều chỉnh giảm diện tích lúa 3 vụ để tránh thiệt hại do hạn, mặn, diện tích sản xuất lúa giảm 36.567 ha so cùng kỳ. Sản lượng lúa giảm gần 77.000 tấn. Sản lượng các loại cây màu và cây ăn trái giảm do ảnh hưởng mưa trái vụ.

- Đầu ra của các sản phẩm thực hiện chuyển đổi giá cả bấp bênh, không ổn định, nhất là khi diện tích chuyển đổi nhiều, sản lượng tăng cao người sản xuất khó bán sản phẩm hoặc bán với giá thấp, thậm chí thấp hơn giá thành dẫn đến sản xuất bị thua lỗ nên nông dân không mạnh dạn chuyển đổi.

- Việc chỉ đạo, quản lý sản xuất hiện nay chủ yếu thông qua công tác thông tin, tuyên truyền, khuyến cáo, chưa có chế tài để bắt buộc người sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt nên chưa khắc phục được tình trạng sản xuất tự phát, chạy theo phong trào, theo thời giá, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, lịch thời vụ và cơ cấu giống.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng, chống. Cụ thể là chưa chủ

động tiêm phòng, chưa tuân thủ quy trình cải tạo ao nuôi, sử dụng con giống chưa qua kiểm dịch, không có ao lắng, lọc để xử lý nước,...

- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm còn cao; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra, do công tác quản lý nhà nước về giống và vật tư đầu vào còn mặt nào hạn chế, sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập.

- Một số phòng, đơn vị chưa nhiệt tình trong việc hỗ trợ địa phương thực hiện tái cơ cấu theo chỉ đạo của Giám đốc Sở.

- Hầu hết các chính sách giao về cho các địa phương (UBND các huyện, thị xã, thành phố) triển khai thực hiện. Tuy nhiên, một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nên hiệu quả của một số chính sách thực hiện chưa cao.

Phần 2

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN 6 THÁNG CUỐI NĂM

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao và trên cơ sở kết quả đạt được 6 tháng đầu năm, ngành Nông nghiệp xác định một số chỉ tiêu còn lại và các nhiệm vụ, giải chủ yếu trong 6 tháng cuối năm như sau:

I. Dự báo: Trên cơ sở kết quả đạt được 6 tháng đầu năm, dự báo 6 tháng cuối năm còn nhiều khó khăn, nhưng theo ước tính ngành có khả năng phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao. Riêng sản lượng lúa khả năng chỉ đạt 1,045 triệu tấn, giảm 101.500 tấn (*KH 1.146.500 tấn*), do vậy, cần tập trung mở rộng diện tích cây màu ở những nơi có điều kiện (đặc biệt chú ý phát triển cây bắp, đậu phộng, rau các loại) để bù đắp.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Giá trị sản xuất: Phấn đấu đạt 13.227 tỷ đồng

- **Nông nghiệp:** 8.448 tỷ đồng, gồm: Trồng trọt 5.887 tỷ đồng; chăn nuôi 1.867 tỷ đồng; dịch vụ nông nghiệp 693 tỷ đồng.

- **Lâm nghiệp:** 70 tỷ đồng.

- **Thủy sản:** 4.710 tỷ đồng, gồm: Khai thác 448 tỷ đồng; khai thác nội đồng 259 tỷ đồng; nuôi trồng 3.982 tỷ đồng; dịch vụ thủy sản 21 tỷ đồng.

2. Sản lượng cây trồng, vật nuôi chủ yếu:

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Sản lượng lúa Hè Thu: Phấn đấu đạt 416.298 tấn.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 20.483 ha (màu lương thực 4.898 ha, màu thực phẩm 13.035 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 2.551 ha).

- Chăn nuôi:

+ Đàn trâu, bò: Phần đầu tăng thêm 10.416 con.

+ Đàn heo: Phần đầu tăng thêm 26.674 con.

+ Đàn gia cầm: Tăng thêm 246 ngàn con.

b) Lâm nghiệp: Trồng mới 330 ha rừng tập trung, chăm sóc 500 ha, bảo vệ thêm 190 ha, trồng 50.000 cây lâm nghiệp phân tán.

c) Thủy - hải sản: Phần đầu đạt thêm 92.515 tấn (20.756 tấn tôm các loại):

+ Nuôi trồng thủy sản: 55.424 tấn (15.758 tấn tôm).

+ Khai thác: 37.091 tấn (4.998 tấn tôm), gồm khai thác hải sản 28.746 tấn, khai thác nội đồng 8.345 tấn.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt - bảo vệ thực vật:

+ Tập trung quản lý dịch hại trên lúa Hè Thu đặc biệt là các đối tượng như rầy nâu, vàng lùn, lùn xoắn lá, bệnh đạo ôn,... đảm bảo năng suất và thu hoạch 100% diện tích; chỉ đạo, hướng dẫn xuống giống vụ Thu Đông-mùa theo khung lịch thời vụ; đồng thời chuẩn bị kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2017-2018.

+ Tiếp tục vận động nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ngắn ngày đặc biệt là cây bắp theo Quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các loại cây màu như đậu phộng, bí đỏ, cà chua, dưa leo,... để bù đắp sản lượng lúa bị hụt. Tiếp tục mời gọi đầu tư thực hiện các mô hình cánh đồng lớn trên các loại cây trồng (lúa, ớt, dưa hấu, đậu phộng, bắp).

+ Tổ chức thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo chủ động phòng trừ có hiệu quả trên cây lúa và một số loại cây trồng chính như cây có múi, thanh long, cây dứa, các loại rau, màu,... không để dịch hại lây lan trên diện rộng nhằm đảm bảo năng suất, sản lượng.

+ Thực hiện 11 chuyến khám bệnh lưu động tại các địa phương để tư vấn, hướng dẫn nông dân phòng trị một số đối tượng gây hại trên cây lúa, cây ăn trái, rau màu và cây dứa. Tiếp tục nhân nuôi và thả ong ký sinh để kiểm soát bọ cánh cứng hại dứa và sâu đục trái bưởi. Tiếp tục theo dõi các mô hình phòng trừ sâu bệnh trên các loại cây trồng và mô hình phòng chống hạn mặn.

- Chăn nuôi - thú y: Chỉ đạo tập trung giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, tuyên truyền, vận động nông dân chăm sóc tốt đàn vật nuôi đặc biệt là trong điều kiện giá cả đầu ra sụt giảm và thời điểm giao mùa cuối năm; quan tâm thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn vật nuôi, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo công tác tiêm phòng, phát huy các huyện làm tốt, kiểm điểm huyện làm không tốt. Tiếp tục cấp sổ quản lý chăn nuôi và thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng theo quy định; tăng cường công tác kiểm dịch động vật, sản

phẩm động vật xuất nhập tỉnh nhằm chủ động ngăn chặn nguy cơ dịch bệnh lây lan. Xúc tiến xây dựng thêm cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch, thu hẹp dần các điểm giết mổ nhỏ lẻ; sắp xếp lại các chợ mua bán gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Quản lý các cơ sở chăn nuôi heo đực giống và dịch vụ gieo tinh nhân tạo. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2017, đồng thời xây dựng kế hoạch hỗ trợ năm 2018 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch; tổ chức nghiệm thu công trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2017; khảo sát thiết kế và xây dựng dự toán trồng rừng và phòng chống cháy rừng năm 2018; tiếp tục tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

- Thủy sản:

- + Theo dõi, giám sát tình hình nuôi và thống kê sản lượng thu hoạch các đối tượng chủ lực như tôm sú, tôm chân trắng, cua biển, cá lóc, tôm càng xanh,... Đồng thời, tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách hỗ trợ người nuôi tại những vùng nuôi trọng điểm.

- + Hướng dẫn nông dân cải tạo ao hồ tiếp tục thả nuôi sau khi thu hoạch, khuyến khích thả nuôi các đối tượng chủ lực có giá trị kinh tế theo quy trình an toàn dịch bệnh, không gây ô nhiễm môi trường tạo nguồn nguyên liệu sạch đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

- + Quản lý chặt chẽ các khu nuôi tôm tự phát ngoài vùng quy hoạch, tránh lây lan dịch bệnh làm ảnh hưởng đến toàn vùng. Thường xuyên quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các điểm sông đầu nguồn, thông báo trên Đài phát thanh - Truyền hình để người dân có kế hoạch quản lý ao nuôi. Tham mưu ban hành lịch mùa vụ và quy trình nuôi năm 2018 cho phù hợp với từng địa phương.

- + Rà soát lại các vùng nuôi chuyên canh tập trung, đầu tư cơ sở hạ tầng tiến tới quy hoạch một số vùng nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP trên các đối tượng thủy sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh; tổ chức tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quản lý tàu cá; khảo sát nguồn lợi thủy sản tại các vùng ven biển trên địa bàn tỉnh.

- + Tiếp tục thực hiện quản lý, kiểm dịch giống thủy sản nhập tỉnh và sản xuất tại địa phương; xúc tiến mời gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất giống trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thức ăn, hoá chất xử lý môi trường phục vụ nuôi thủy sản; phối hợp giải quyết nhanh vụ khiếu kiện tôm vênh mang.

- + Xây dựng quy chế phối hợp trong thực hiện công tác quản lý giống thủy sản với các tỉnh nhằm kiểm tra chất lượng con giống nhập tỉnh; chủ động dự phòng Chlorine hỗ trợ cho các địa phương xử lý môi trường nước khi xuất hiện mầm bệnh

3. Phát triển nông thôn:

- Tập trung, dồn sức 6 tháng cuối năm có thêm ít nhất 08 xã đạt 19/19 tiêu chí, nâng tổng số 31/85 xã đạt 19/19 tiêu chí, các xã còn lại đạt thêm ít nhất 01 tiêu chí trở lên và có kế hoạch nâng chất lượng các tiêu chí đã được. Để đạt được kết quả trên cần tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân tự nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới; huy động thêm nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công các công trình xây dựng cơ bản và đầu tư phát triển sản xuất có hiệu quả để nâng cao thu nhập và đời sống của người dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng nông thôn mới ở các xã trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn củng cố, thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã; hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ 12 hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục theo dõi tiến độ thi công các công trình bố trí dân cư, phấn đấu đến cuối năm đưa 42 hộ ở Trường Long Hòa vào nơi ở mới, an toàn.

- Công bố Quyết định công nhận làng nghề bó chổi xã Tân Hòa và sản xuất cơm dẹp xã Nhị Trường

- Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; duy trì hoạt động 162 trạm cấp nước hiện có, tăng thêm 5.000 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, phấn đấu đến cuối năm có trên 87% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

4. Công tác chuyên ngành:

- Công tác quy hoạch: Tiếp tục triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía, Quy hoạch chăn nuôi và giết mổ tập trung, Quy hoạch thủy lợi, Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Xây dựng đề cương, dự toán trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các quy hoạch: Khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Vùng sản xuất nông nghiệp đô thị; Vùng sản xuất lúa hữu cơ; Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tổ chức 150 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; theo dõi các mô hình đang thực hiện, khẩn trương triển khai thực hiện các mô hình kết hợp với dự án AMD. Tổ chức tổng kết, đánh giá làm cơ sở nhân rộng các mô hình có hiệu quả. Kết hợp Đài Phát thanh – Truyền hình thực hiện các phóng sự, chuyên mục, các tin thời sự về khuyến nông.

- Tiếp tục thực hiện và hoàn thành các mô hình thực nghiệm, khảo nghiệm và nhân giống; chuyển giao công nghệ ương giống lươn đồng bán nhân tạo cho cho các cơ sở sản xuất giống; tiếp tục sản xuất, cung ứng và điều tiết giống lúa, giống thủy sản và các loại cây ăn trái cho người dân có nhu cầu.

- Về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Tổ chức tập huấn, tuyên truyền công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về ATTP nông, thủy sản; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản;

thu mẫu giám sát chuỗi an toàn thực phẩm; tiếp tục làm việc với cơ sở sản xuất trứng gà hướng dẫn xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; xác nhận kiến thức ATTP cho các hộ nuôi heo đã đăng ký tham gia Đề án nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo.

- Tiếp tục thực hiện thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT về kiểm tra đánh giá phân loại cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản.

- Tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp nhằm hạn chế tình trạng hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra đê điều, mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương triển khai các biện pháp phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Kết hợp chỉ đạo địa phương khẩn trương hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng; tập trung dồn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ.

- Tăng cường triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định 215/QĐ-TTg; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND,...

- Các phòng, đơn vị được phân công hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo Quyết định số 54/QĐ/SNN của Giám đốc Sở tiếp tục kết hợp địa phương triển khai thực hiện tốt các phần việc theo kế hoạch đề ra. Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Giống, Phòng Chính sách và Thông tin khẩn trương thống nhất hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ để triển khai thực hiện.

4. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, phòng thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng kinh tế thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



Trần Trung Kiên



BAO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/6/2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Ước TH 6 tháng năm 2017	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)						
	Giá trị ngành nông nghiệp	Tỷ đồng	11.781,99	24.927	11.699,92	99,30%	46,94%
1	Giá trị SX nông nghiệp	"	9.211,81	17.367	8.919,15	96,82%	51,36%
	- Trồng trọt	"	6.805,97	12.450	6.562,92	96,43%	52,71%
	- Chăn nuôi	"	1.435,63	3.300	1.432,62	99,79%	43,41%
	- Dịch vụ	"	970,218	1.617	923,61	95,20%	57,12%
2	Giá trị lâm nghiệp	"	170,122	240	170,44	100,19%	71,02%
3	Giá trị sản xuất thủy sản	"	2.400,06	7.320	2.610,34	108,76%	35,66%
	- Khai thác hải sản	"	556,85	980	531,61	95,47%	54,25%
	- Khai thác nội đồng	"	189,79	460	201,00	105,91%	43,70%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	1.638,15	5.850	1.868,36	114,05%	31,94%
	- Dịch vụ thủy sản	"	15,265	30	9,37	61,38%	31,23%
B	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP						
I.	TRỒNG TRỌT						
	Tổng DT gieo trồng	Ha	268.293	252.500	232.978	86,84%	92,27%
	Cây lương thực có hạt	Ha	237.320	203.300	200.737	84,58%	98,74%
1.1	Cây lúa	Ha	234.528	197.000	197.961	84,41%	100,49%
	Sản lượng	Tấn	739.762	1.146.500	659.192	89,11%	57,50%
	Vụ Thu Đông-mùa						
	- Diện tích gieo sạ	Ha	87.739	64.000	64.054	73,00%	100,08%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	87.310	64.000	64.048	73,36%	100,08%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	52,93	55,00	47,10	89,00%	85,64%
	- Sản lượng	tấn	462.102	352.000	301.695	65,29%	85,71%
	Vụ Đông - Xuân						
	- DT gieo sạ	ha	68.789	55.000	59.915	87,10%	108,94%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	50.040	55.000	59.915	119,74%	108,94%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	55,49	68,00	58,97	106,27%	86,71%
	- Sản lượng	tấn	277.660	374.000	353.296	127,24%	94,46%
	Vụ Hè Thu						
	- DT gieo sạ	Ha	78.000	78.000	73.992	94,86%	94,86%
	- Diện tích thu hoạch			78.000	793		1,02%
	- Năng suất	Tạ/ha	#DIV/0!	53,91	52,99		98,29%
	- Sản lượng	tấn	-	420.500	4.202		1,00%
1.2	Cây màu						
	DT gieo trồng	Ha	33.765	55.500	35.017	103,71%	63,09%
	DT thu hoạch	Ha	27.236	55.500	26.400	96,93%	47,57%
	Sản lượng	Tấn	792.121	1.416.175	703.582	88,82%	49,68%
1.2.1	Màu lương thực						
	DT gieo trồng	Ha	4.201	9.150	4.252	101,22%	46,47%
	DT thu hoạch	Ha	3.421	9.150	3.437	100,49%	37,57%
	Sản lượng	Tấn	29.809	75.025	30.193	101,29%	40,24%
	Cây bắp						
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.792	6.300	2.776	99,43%	44,06%
	- Diện tích thu hoạch	"	2.314	6.300	2.311	99,87%	36,69%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Ước TH 6 tháng năm 2017	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Năng suất	Tạ/ha	54,30	54,44	56,03	103,17%	102,91%
	- Sản lượng	Tấn	12.568	34.300	12.949	103,03%	37,75%
	Khoai lang						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	711	1.200	754	106,03%	62,83%
	+ Diện tích thu hoạch	"	601,69	1.200	593	98,52%	49,40%
	+ Năng suất	Tạ/ha	175,41	160,00	171,93	98,02%	107,45%
	+ Sản lượng	Tấn	10.554	19.200	10.191	96,56%	53,08%
	Sắn						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	471	1.000	450	95,45%	45,00%
	+ Diện tích thu hoạch	"	343,88	1.000	332	96,41%	33,15%
	+ Năng suất	Tạ/ha	154,76	160,00	160,99	104,02%	100,62%
	+ Sản lượng	Tấn	5.322	16.000	5.337	100,29%	33,36%
	Cây có củ khác						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	226	650	272	120,26%	41,85%
	+ Diện tích thu hoạch	"	160,64	650	202	125,65%	31,05%
1.2.2	Cây thực phẩm						
	<i>DT gieo trồng</i>	<i>Ha</i>	<i>17.564</i>	<i>30.000</i>	<i>16.965</i>	<i>96,59%</i>	<i>56,55%</i>
	<i>DT thu hoạch</i>	<i>Ha</i>	<i>13.685</i>	<i>30.000</i>	<i>13.596</i>	<i>99,35%</i>	<i>45,32%</i>
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	<i>299.693</i>	<i>690.000</i>	<i>290.839</i>	<i>97,05%</i>	<i>42,15%</i>
	Rau các loại						
	+ DT gieo trồng	Ha	16.972	29.200	16.497	97,20%	56,50%
	+ Diện tích thu hoạch	"	13.189	29.200	13.224	100,27%	45,29%
	+ Năng suất	Tạ/ha	228,69	23,58	219,41	95,94%	930,31%
	+ Sản lượng	Tấn	301.618	688.680	290.150	96,20%	42,13%
	Đậu các loại						
	+ DT gieo trồng	Ha	592	800	468,30	79,05%	58,54%
	+ Diện tích thu hoạch	"	496	800	371,99	75,06%	46,50%
	+ Năng suất	Tạ/ha	15,29	1,65	18,51	121,07%	1122,04%
	+ Sản lượng	Tấn	758	1.320	689	90,88%	52,17%
1.2.3	Cây công nghiệp hàng năm						
	<i>DT gieo trồng</i>	<i>Ha</i>	<i>12.000</i>	<i>16.350</i>	<i>13.799</i>	<i>114,99%</i>	<i>84,40%</i>
	<i>DT thu hoạch</i>	<i>Ha</i>	<i>10.131</i>	<i>16.350</i>	<i>9.367</i>	<i>92,46%</i>	<i>57,29%</i>
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	<i>462.619</i>	<i>651.150</i>	<i>382.550</i>	<i>82,69%</i>	<i>58,75%</i>
	Đậu phộng						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.101	5.000	3.817,50	93,09%	76,35%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.626	5.000	3.471,35	95,73%	69,43%
	+ Năng suất	Tạ/ha	51,85	52,30	51,10	98,55%	97,70%
	+ Sản lượng	Tấn	18.801	26.150	17.737,16	94,34%	67,83%
	Mía						
	+ Diện tích trồng	Ha	4.366	5.500	5.174,72	118,51%	94,09%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.048	5.500	3.266,27	80,69%	59,39%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.064	1.091	1.076	101,12%	98,67%
	+ Sản lượng	Tấn	430.908	600.000	351.567	81,59%	58,59%
	Cây lác (cói)						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.426	2.500	1.441,0	101,07%	57,64%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.168,8	2.500	1.165	99,65%	46,59%
	+ Năng suất	Tạ/ha	110,46	102,00	113,73	102,96%	111,50%
	+ Sản lượng	Tấn	12.911	25.000	13.246	102,60%	52,98%
	Cây trồng khác						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.107	3.350	3.366	159,75%	100,48%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.287	3.350	1.464	113,74%	43,71%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Ước TH 6 tháng năm 2017	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
2	Cây lâu năm						
	- Cây ăn quả						
	+ Diện tích	ha	17.659	17.790	17.682	100,13%	99,39%
	+ Sản lượng	tấn	130.853	200.000	116.100	88,73%	58,05%
	- Cây dứa						
	+ Diện tích	ha	19.950	20.000	20.663	103,57%	103,32%
	+ Sản lượng	tấn	116.310	220.000	117.899	101,37%	53,59%
II	CHĂN NUÔI						
	- Tổng đàn trâu	con	954	790	764	80,08%	96,71%
	- Tổng đàn bò	con	176.344	210.000	199.610	113,19%	95,05%
	- Tổng đàn lợn	con	351.883	395.000	368.326	104,67%	93,25%
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.181	4.500	4.254	101,73%	94,52%
C	LÂM NGHIỆP						
	- DT rừng hiện có	ha		9.081			0,00%
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		350	20		5,71%
	- Chăm sóc rừng	Ha		500			0,00%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		5.354	5.164		96,45%
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		50			0,00%
D	DIÊM NGHIỆP						
E	THỦY SẢN						
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	34.310	43.000	39.434	114,93%	91,71%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	1.146	3.500	923	80,54%	26,37%
	- Diện tích nuôi cá	"	610	2.400	676,77	111,02%	28,20%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	24	70	14	59,82%	20,36%
	+ Cá lóc	"	153	300	194	126,75%	64,72%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	536	1.100	246	45,89%	22,37%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	536	1.100	246	45,89%	22,37%
	- Diện tích nuôi khác	"					
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	33.165	39.500	38.511	116,12%	97,50%
	- Diện tích nuôi cá	"					
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	32.870	38.500	38.426	116,90%	99,81%
	Trong đó: + Tôm sú	"	16.459	18.000	19.188	116,58%	106,60%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.359	6.000	4.288	127,66%	71,46%
	+ Cua biển	"	13.052	14.500	14.950	114,54%	103,11%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	295	1.000	85	28,81%	8,50%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³					
	- Nuôi cá	"					
	- Nuôi giáp xác	"					
	- Nuôi nhuyễn thể	"					
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con					
	- Cá giống	"					
	- Tôm giống	"					
	- Nhuyễn thể giống	"					
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	69.617	169.700	77.185	110,87%	45,48%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	36.562	101.300	45.876	125,47%	45,29%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	24.075	53.900	27.462	114,07%	50,95%
	- Sản lượng cá	"	23.748	53.200	26.869	113,15%	50,51%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	5.371	10.000	7.450	138,73%	74,50%
	Cá lóc	"	12.598,5	26.500	14.315	113,62%	54,02%
	- Sản lượng giáp xác	"	326,9	700	593	181,36%	84,68%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Ước TH 6 tháng năm 2017	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: tôm càng xanh	"	326,9	700	593	181,36%	84,68%
	- Sản lượng thủy sản khác	"					
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	12.488	47.400	18.413	147,45%	38,85%
	- Sản lượng cá nuôi	"					
	Trong đó: Cá giò, cá song	"					
	...						
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	11.631,9	44.700	17.468	150,18%	39,08%
	Trong đó: + Tôm sú	"	3.226,7	11.700	3.938	122,05%	33,66%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	6.648,4	25.000	11.227	168,87%	44,91%
	+ Nuôi cua biển	"	1.757	8.000	2.303	131,09%	28,79%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	856	2.700	945	110,39%	34,99%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	33.055	68.400	31.310	94,72%	45,77%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	28.869	55.700	26.955	93,37%	48,39%
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	11.337	22.500	11.636	102,63%	51,71%
	- Tôm các loại	Tấn	3.971,6	7.200	3.728	93,87%	51,78%
	- Thủy sản khác	"	13.559,6	26.000	11.591	85,48%	44,58%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	4.186	12.700	4.355	104,04%	34,29%
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.869,8	5.700	2.305	123,26%	40,44%
	- Tôm các loại	"	1.644	4.000	1.270	77,25%	31,75%
	- Thủy sản khác	"	672	3.000	781	116,09%	26,02%